

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ NB VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHỆ NB VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NB VIET NAM TECHNOLOGY AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NB VIET NAM CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108532899

3. Ngày thành lập: 03/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn 2, Xã Lại Yên, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
2.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669(Chính)
4.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
5.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651

6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện(máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng(trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào , sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường	4659
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
8.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
9.	Lập trình máy vi tính	6201
10.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
11.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
12.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
13.	Đại lý du lịch	7911
14.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
15.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
17.	Đào tạo trung cấp	8532
18.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
19.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
20.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: -Thiết kế về phòng cháy và chữa cháy - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7410
21.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
22.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
23.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559

24.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
25.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
26.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
27.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
28.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
29.	Phá dỡ	4311
30.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
31.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
32.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
33.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
34.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
35.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
36.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
37.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
38.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
39.	Điều hành tua du lịch	7912
40.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
41.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
42.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
43.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
44.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
45.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
46.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
47.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
48.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
49.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680

50.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy - Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn; - Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc dây bảo vệ cho các ngành nghề khác - Sản xuất phao cứu sinh - Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác(ví dụ mũ thể thao) - Sản xuất quần áo amiang(như bộ bảo vệ chống cháy) - Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác - Sản xuất nút tai và nút chống ồn(cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn) - Sản xuất mặt nạ khí gas - Sản xuất găng tay	3290
51.	Xây dựng nhà để ở	4101
52.	Xây dựng nhà không để ở	4102
53.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
54.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản.	7110
55.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy	7490
56.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
57.	Dịch vụ đóng gói	8292
58.	Đào tạo sơ cấp	8531
59.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
60.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
61.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
62.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
63.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530

64.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
65.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
66.	Xây dựng công trình điện	4221
67.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
68.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
69.	Xây dựng công trình thủy	4291
70.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
71.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
72.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
73.	Bán buôn đồ uống	4633
74.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
75.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
76.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
77.	Bán buôn tổng hợp	4690
78.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
79.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

80.	Bốc xếp hàng hóa	5224
81.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
82.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
83.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
84.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
85.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
86.	Đào tạo cao đẳng	8533

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ VĂN BA	Xóm Liêu Thượng, Xã Xuân Tân, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	800.000.000	40,000	162886669	
2	NGÔ MINH NGỌC	Xóm Đông, Xã Xuân Tân, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	1.200.000.000	60,000	163099662	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ VĂN BA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/06/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 162886669

Ngày cấp: 26/02/2005

Nơi cấp: công an Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Liêu Thượng, Xã Xuân Tân, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Liêu Thượng, Xã Xuân Tân, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội